
Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 5 năm 2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích

Ông Đặng Công Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:
Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Thành H**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Phan Minh T**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: 201/19 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thành H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Thành H và ông Phan Minh T kết hôn vào ngày 06/07/2016, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 06/7/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 201/19 đường N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn bất hoà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do có lối sống khác biệt nên

vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, ông T không chăm lo cho gia đình, chơi đánh bài, có đánh đập bà. Dù đã cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm gia đình nhưng tình cảm vợ chồng không còn, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ cuối tháng 02/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Sau khi ly thân thì ông T thuê người theo dõi gây ảnh hưởng tâm lý không tốt đến bà. Nay bà Lê Thị Thành H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Minh T

Về con chung: Bà Lê Thị Thành H và ông Phan Minh T có 01 con chung là Phan Lê Tường V, sinh ngày: 14/09/2019. Hiện tại con chung đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Thành H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Phan Minh T cấp dưỡng nuôi con. Bà có khả năng nuôi con tốt hơn ông T do có công việc làm thu nhập ổn định, thời gian làm việc từ 06 giờ 30 đến 14 giờ 30 hàng ngày nên có điều kiện đưa đón chăm sóc con, hơn nữa con gái còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thành H xác định bà và ông Phan Minh T không có tài sản và nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn ông Phan Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/07/2016, ông và bà Lê Thị Thành H đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà trọ địa chỉ 201/19 đường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. ông T thừa nhận ông có chơi đánh bạc, có đánh vợ khi nóng giận. Việc bà H khai ông không quan tâm vợ con là không đúng sự thật. Ông bà đã sống ly thân từ cuối tháng 02/2023. Nay về tình cảm ông xác định còn yêu thương bà H nên xin được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Lê Tường V, sinh ngày: 14/09/2019, hiện con đang sống với bà H. Ông không đồng ý việc trong thời gian qua vợ chồng sống ly thân thì bà H ngăn cản không cho ông thăm nom con. ông T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thành H đối với ông Phan Minh T: Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thành H được ly hôn với ông Phan Minh T; Về con chung: Giao con chung Phan Lê Tường V cho bà Lê Thị Thành H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phan Minh T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phan Minh T cư trú tại phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Thành H và ông Phan Minh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, các bên đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước thẩm quyền, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy trong thời kỳ hôn nhân giữa các bên có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đều được các bên thừa nhận là bất đồng quan điểm, lối sống, ông T chưa chăm lo đúng mức cho cuộc sống chung và gây ra tình trạng bạo lực gia đình, như vậy nguyên nhân chính làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng xuất phát từ phía ông Phan Minh T. ông T có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng ông không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn. Hai bên đã lựa chọn giải pháp sống ly thân, đời sống chung giữa các bên đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không

đạt được, do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thành H phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho bà Lê Thị Thành H được ly hôn với ông Phan Minh T.

[2.2]. Về con chung: Bà Lê Thị Thành H và ông Phan Minh T thống nhất xác định có 01 con chung chưa thành niên. Các bên đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Xét thấy thực tế hiện nay con chung đang sống với bà Lê Thị Thành H. Bà Lê Thị Thành H có cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo chứng minh bà công việc làm, thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc con trong khi ông Phan Minh T không cung cấp chứng cứ chứng minh ông có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con. Hơn nữa con chung còn rất nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, căn cứ vào tình hình thực tế và quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Thành H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự đều không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Thành H và ông Phan Minh T đều xác định không có tài sản và nợ chung, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí tranh chấp hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình; Điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” của bà Lê Thị Thành H đối với ông Phan Minh T .

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thành H được ly hôn với ông Phan Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 23 do Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 06/7/2016 không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Lê Tường V, sinh ngày: 14/9/2019 cho bà Lê Thị Thành H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Phan Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thành H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Thành H đã nộp theo biên lai thu số: 0003579 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
 - Chi cục THADS quận Sơn Trà;
 - UBND xã S, huyện N,
- tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng